

Bản án số: 30/2025/HS-ST
Ngày 02/4/2025

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LN, TỈNH BẮC GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Thân Thị Hải Minh

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Vũ Thị Nết

Bà Đỗ Thị Hoài Mơ

- Thư ký phiên tòa: ông Nguyễn Văn Huân - Thư ký Tòa án nhân dân huyện LN, tỉnh Bắc Giang;

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện LN tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tuyết Mai- Kiểm sát viên;

Ngày 02 tháng 4 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang, Tòa án nhân dân huyện LN, tỉnh Bắc Giang xét xử trực tuyến vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 25/2025/TLST-HS ngày 06 tháng 3 năm 2025, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 30/2025/QĐXXST-HS ngày 17 tháng 3 năm 2025 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: Vi Văn A, sinh năm 1989. Tên gọi khác: không.

Nơi ĐKKHKT và chỗ ở hiện nay: Thôn ML, xã NP, huyện LN, tỉnh Bắc Giang; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Tày; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Đảng, chính quyền, đoàn thể: Không; con ông Vi Văn P, sinh năm 1963 (đã chết) và bà Hoàng Thị S, sinh năm 1967; gia đình có 02 chị em, bị cáo là con thứ hai; vợ là Đặng Thị T sinh năm 1989, bị cáo có 01 con sinh năm 2011.

Tiền án: Bản án số 81/2022/HSST ngày 15/12/2022, Tòa án nhân dân huyện LN, tỉnh Bắc Giang xử phạt 01 năm 03 tháng tù, về tội “Trộm cắp tài sản”. Chấp hành xong hình phạt tù ngày 14/12/2023. Tiền sự: không.

Bị cáo đầu thú, bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 16/01/2025 đến nay. Hiện tạm giam tại trại tạm giam Công an tỉnh Bắc Giang. Có mặt tại phiên tòa.

2. Họ và tên: Nguyễn Hữu T, sinh năm 1988. Tên gọi khác: không.

Nơi ĐKHKTT và chỗ ở hiện nay: Thôn D, xã NP, huyện LN, tỉnh Bắc Giang; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ văn hóa: 09/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Đảng, chính quyền, đoàn thể: Không; con ông Nguyễn Hữu T, sinh năm 1966 và bà Đặng Thị Y, sinh năm 1970; gia đình có 02 anh chị em, bị cáo là con thứ nhất; vợ con chưa có. Tiền án:

+) Bản án số 271/2011/HSST ngày 28/11/2011, Tòa án nhân dân thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang xử phạt 02 năm 06 tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Chấp hành xong hình phạt tù ngày 10/9/2013. Hiện bị can chưa chấp hành xong án phí, tiền phạt.

+) Bản án số 133/2018/HSST ngày 12/10/2018, Tòa án nhân dân thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang xử phạt 15 tháng tù, về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Chấp hành xong tiền án phí ngày 18/01/2019, hình phạt tù ngày 18/9/2019.

+) Bản án số 86/2021/HSST ngày 17/9/2021, Tòa án nhân dân huyện LN, xử phạt 30 tháng tù, về tội “Trộm cắp tài sản”. Chấp hành xong án phí ngày 17/12/2021, hình phạt tù ngày 16/12/2023. Hiện chưa chấp hành xong phần bồi thường dân sự.

Tiền sự: Không.

Bị cáo đầu thú, bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 16/01/2025 đến nay. Hiện tạm giam tại trại tạm giam Công an tỉnh Bắc Giang. Có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại:

Anh Trần Văn H, sinh năm 1987. Có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa.

Địa chỉ: thôn LK, xã HS, huyện LN, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Tối ngày 14/01/2025, Nguyễn Hữu T, sinh năm 1988, trú tại thôn D, xã NP, huyện LN đến nhà Vi Văn A, sinh năm 1989, trú tại thôn ML, xã NP, huyện LN, tỉnh Bắc Giang chơi và ngủ lại nhà A. Đến khoảng 12 giờ ngày 15/01/2025, do không có tiền tiêu nên Vi Văn A rủ T đi tìm tài sản sơ hở để trộm cắp, T đồng ý. Sau đó A mang theo 01 con dao quắm, 01 (một) chiếc tua vít 4 cạnh có một đầu được mài nhọn chế thành hình dấu “+” rồi cùng T đi bộ theo đường rừng. Khi T và A đi đến khoảnh rừng thửa số XII-13 của gia đình ông Phạm Văn Bình sinh năm 1961 ở thôn C, xã HS, huyện LN, A và T thấy có 01 chiếc xe mô tô loại

Honda Wave, màu sơn đen, biển số 98AE-109.85 của anh Trần Văn H sinh năm 1987, trú tại thôn LK, xã HS, huyện LN, tỉnh Bắc Giang đang để sườn rừng (anh H đi làm rừng) không có người trông coi nên A và T nảy sinh ý định trộm cắp chiếc xe trên. Quan sát không có người, A và T đi đến gần chiếc xe, thấy chiếc xe đang khóa cổ A ngồi lên yên xe rồi kết hợp lực chân, tay đạp và bẻ phá khóa cổ xe. Sau đó A và T dắt chiếc xe đi về hướng xã NP khoảng 50 m thì dừng lại. A dùng tua vít tháo ốc vít yếm xe, mặt nạ trước của xe, tiếp đó T dùng bật lửa đốt dây điện xe và đấu điện để A đề nổ mô tô xe. Sau đó A điều khiển xe biển số 98AE-109.85 kèm T đi tới đập Khe Ráy thuộc thôn ML, xã HS, huyện LN, tỉnh Bắc Giang. Tại đây T tháo hệ thống điện (đã đấu lúc trước) của xe ra, A lắp lại mặt nạ vào đầu xe. Sau đó A và T dùng dao quắm mang từ nhà chặt cành cây rừng đập lại, ngụy trang chiếc xe, mục đích để đến tối vắng người T và A đến lấy mang đi bán.

Cùng ngày, sau khi đi làm rừng về anh Trần Văn H phát hiện chiếc xe mô tô bị trộm cắp đã làm đơn trình báo và giao nộp 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô biển số 98AE-109.85 mang tên Trần Văn Hạ. Cùng ngày Nguyễn Hữu T và Vi Văn A đến Công an huyện LN đầu thú (BL 75-76; 100-102; 130-132).

Cùng ngày, Cơ quan điều tra đã thu giữ: 01 chiếc xe Honda Wave, màu sơn đen, biển số 98AE-109.85 tại khu vực thuộc thôn ML, xã HS, huyện LN (BL 49-55).

Tiến hành khám xét khẩn cấp nơi ở của Vi Văn A tại thôn ML, xã NP, huyện LN thu giữ: 02 (hai) thanh kim loại hình chữ T, một cạnh bằng ống hình trụ tròn, một cạnh bằng thanh kim loại hình trụ tròn có đầu dẹt; 01 (một) con dao dạng dao quắm bằng kim loại màu đen có độ dài 39,5 cm; 02 (hai) thanh kim loại được gắn kết thành hình dấu cộng “+” gồm một thanh điểm giữa có ống kim loại rỗng và một thanh kim loại một đầu dẹt, một đầu có 04 cạnh (BL 37-38).

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 10/KL- HDDG ngày 22/01/2025 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện LN, kết luận: 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave, màu sơn đen, số khung: JA70E0620040, số máy: RLHJA3938RY691504, biển số 98AE-109.85, có giá trị là 19.950.000 đồng (BL 28-29).

Cơ quan điều tra đã tiến hành cho Nguyễn Hữu T, Vi Văn A thực nghiệm

điều tra lại hành vi trộm cắp tài sản, việc đấu khóa điện và nổ máy xe, kết quả T, A thực hiện thuần thực, phù hợp với lời khai của các bị can cùng tài liệu có trong hồ sơ (BL 42-43).

Về vật chứng và trách nhiệm dân sự: Cơ quan điều tra đã xử lý vật chứng trả lại cho anh Trần Văn H chiếc xe mô tô biển kiểm soát 98AE-109.85 và 01 giấy đăng ký xe mô tô mang tên Trần Văn Hạ. Anh H đã nhận xe và không yêu cầu bồi thường.

Đối với chiếc bật lửa T dùng đốt dây điện để nổ máy xe, T khai T đã làm rơi trên rừng nên Cơ quan điều tra không có căn cứ để truy tìm, xử lý.

Đối với 02 (hai) thanh kim loại hình chữ T, một cạnh bằng ống hình trụ tròn, một cạnh bằng thanh kim loại hình trụ tròn có đầu dẹt, quá trình điều tra xác định là tài sản của Vi Văn A, không liên quan đến hành vi phạm tội; 01 (một) con dao quắm bằng kim loại màu đen có độ dài 39,5 cm dùng chặt cành cây đậy cất giấu xe máy; 02 (hai) thanh kim loại được gắn kết thành hình dấu cộng “+” gồm một thanh điểm giữa có ống kim loại rỗng và một thanh kim loại một đầu dẹt, một đầu có 04 cạnh là công cụ phạm tội, Cơ quan điều tra chuyển xử lý cùng vụ án.

Tại Cơ quan điều tra Vi Văn A, Nguyễn Hữu T đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của bản thân như đã nêu trên.

Tại bản Cáo trạng số 30/CT-VKS ngày 04 tháng 3 năm 2025, Viện kiểm sát nhân dân huyện LN, tỉnh Bắc Giang truy tố bị cáo Vi Văn A về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự, truy tố bị cáo Nguyễn Hữu T về tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa:

- Bị cáo Vi Văn A trình bày: Bị cáo nhất trí với nội dung bản Cáo trạng; bị cáo là người rủ T đi xem ai có tài sản sơ hở thì trộm cắp, các vật chứng cơ quan công an thu giữ gồm 02 thanh kim loại hình chữ T, 01 con dao quắm và 02 thanh kim loại được gắn kết thành hình dấu cộng là đồ vật của bị cáo, bị cáo mang từ nhà đi để thực hiện hành vi trộm cắp. Các hành vi phạm tội của bị cáo như cáo trạng nêu là đúng. Bị cáo bị khởi tố, truy tố, xét xử về tội “Trộm cắp tài sản” với hành vi cụ thể như bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện LN nêu là đúng người, đúng tội.

Đối với hai thanh kim loại hình chữ T, một cạnh bằng ống hình trụ tròn, một cạnh bằng thanh kim loại hình trụ tròn có đầu bẹt là của bị cáo không liên quan đến việc trộm cắp, tuy nhiên đã cũ không còn giá trị nên bị cáo không đề nghị nhận lại.

- Bị cáo Nguyễn Hữu T trình bày: Bị cáo nhất trí với nội dung bản Cáo trạng; do hết tiền tiêu nên khi A rủ đi trộm cắp tài sản bị cáo đã đồng ý, bị cáo bị khởi tố, truy tố, xét xử về tội “Trộm cắp tài sản” với hành vi cụ thể như bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện LN nêu là đúng người, đúng tội.

Hội đồng xét xử công bố lời khai của anh Trần Văn Hạ, bị hại vắng mặt tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến gì.

- Kiểm sát viên phát biểu luận tội, giữ nguyên quan điểm truy tố đối với các bị cáo và đề nghị:

+ Áp dụng điểm g khoản 2 Điều 173, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 38, Điều 58 của Bộ luật Hình sự:

Xử phạt bị cáo Nguyễn Hữu T từ 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng đến 03 (ba) năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”, thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam 16/01/2025.

+ Áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 17, Điều 38, Điều 58 của Bộ luật Hình sự:

Xử phạt bị cáo Vi Văn A từ 01 (một) năm 03 (ba) tháng đến 01 (một) năm 09 (chín) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam 16/01/2025.

Miễn hình phạt bổ sung cho các bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: anh Trần Văn H không yêu cầu các bị cáo bồi thường dân sự nên không đặt ra xem xét.

+ Áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự, Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự:

Tịch thu tiêu hủy 01 (một) con dao quắm bằng kim loại màu đen có độ dài 39,5 cm dùng chặt cành cây đậy cất giấu xe máy; 02 (hai) thanh kim loại được gắn kết thành hình dấu cộng “+” gồm một thanh điểm giữa có ống kim loại rỗng và một thanh kim loại một đầu dẹt, một đầu có 04 cạnh, 02 (hai) thanh kim loại hình chữ T, một cạnh bằng ống hình trụ tròn, một cạnh bằng thanh kim loại hình trụ tròn có đầu dẹt.

Ngoài ra đại diện Viện kiểm sát còn đề nghị về quyền kháng cáo, án phí theo quy định của pháp luật.

- Bị cáo Vi Văn A nhất trí với luận tội và ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên, bị cáo không tự bào chữa, không có ý kiến tranh luận và nói lời sau cùng: bị cáo nhận thức hành vi của mình là vi phạm pháp luật, bị cáo rất ăn năn hối cải; đề nghị Hội đồng xét xử xem xét các tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo được hưởng mức án thấp nhất để bị cáo sớm được trở về với gia đình, xã hội lao động trở thành người có ích giúp đỡ bố mẹ.

- Bị cáo Nguyễn Hữu T nhất trí với luận tội và ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên, bị cáo không tự bào chữa, không có ý kiến tranh luận và nói lời sau cùng: bị cáo nhận thức hành vi của mình là vi phạm pháp luật, bị cáo rất ăn năn hối cải; đề nghị Hội đồng xét xử xem xét các tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo được hưởng mức án thấp nhất để bị cáo sớm được trở về với gia đình, xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên: Trong quá trình tiến hành tố tụng Điều tra viên, Kiểm sát viên thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn và các quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự; bị cáo và những người tham gia tố tụng không có ai tố cáo, khiếu nại gì. Hội đồng xét xử kết luận hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên đều đúng quy định và hợp pháp.

Anh Trần Văn H được Tòa án đã triệu tập hợp lệ và có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa. Xét thấy, trong quá trình điều tra bị hại đã có đầy đủ lời khai nên việc vắng mặt bị hại tại phiên tòa không gây trở ngại cho việc xét xử. Hội đồng xét xử căn cứ Điều 292 Bộ luật Tố tụng hình sự xét xử vắng mặt bị hại.

[2] Tại phiên tòa, các bị cáo Vi Văn A, Nguyễn Hữu T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đúng như bản cáo trạng đã truy tố; lời nhận tội của các bị cáo phù hợp với lời khai tại Cơ quan điều tra, phù hợp với thời gian, địa điểm xảy ra tội phạm, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Có đủ cơ sở kết luận: Khoảng hơn 12 giờ ngày 15/01/2025, tại khu vực đường rừng thuộc thôn Chùa, xã HS, huyện LN, tỉnh Bắc Giang, Vi Văn A và Nguyễn Hữu T đã cùng nhau trộm cắp 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave, biển số 98AE-109.85 trị giá 19.950.000 đồng của anh Trần Văn Hạ. Cơ quan điều tra đã thu hồi và trả lại chiếc xe mô tô trên cho bị hại.

[3] Xét tính chất, mức độ của vụ án: Thủ đoạn của các bị cáo là lợi dụng sự sơ hở mất cảnh giác của bị hại trong việc quản lý, bảo vệ tài sản để thực hiện hành vi lén lút, chiếm đoạt tài sản với mục đích bán lấy tiền chi tiêu cá nhân. Hành vi trên của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của công dân, làm mất an ninh trật tự tại địa phương; các bị cáo là người có năng lực trách nhiệm hình sự, thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp. Do đó, hành vi của các bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại Điều 173 Bộ luật hình sự. Khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo T chưa chấp hành phần bồi thường dân sự của bản án số 86/2021/HSST ngày 17/9/2021 của Tòa án nhân dân huyện LN, tỉnh Bắc Giang nên lần phạm tội này của bị cáo thuộc trường hợp tái phạm nguy hiểm. Viện kiểm sát nhân dân huyện LN truy tố bị cáo T về

tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm g khoản 2 Điều 173 của Bộ luật Hình sự, bị cáo A về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự là hoàn toàn đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[4] Xem xét các tình tiết để quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử thấy:

Về tính chất đồng phạm: các bị cáo A, T cùng nhau thực hiện hành vi phạm tội nên có vai trò đồng phạm nhưng tính chất đồng phạm của các bị cáo là đồng phạm giản đơn, các bị cáo không có sự bàn bạc, cấu kết chặt chẽ trong việc phân công thực hiện tội phạm cũng như trong việc ăn chia tài sản chiếm đoạt được. Trong vụ án này bị cáo A là người khởi sự, rủ bị cáo T thực hiện việc trộm cắp, bị cáo chủ động mang công cụ phương tiện phạm tội từ nhà đi, bị cáo cũng là người trực tiếp thực hiện hành vi phạm tội tích cực, bị cáo đóng vai trò chính trong vụ án. Bị cáo T là người trực tiếp đốt dây điện và đấu điện xe để bị cáo A nổ máy và điều khiển xe tìm nơi cất giấu, bị cáo có vai trò thấp hơn trong vụ án này.

Về tình tiết giảm nhẹ: Quá trình điều tra, truy tố, xét xử các bị cáo Vi Văn A, Nguyễn Hữu T thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, sau khi thực hiện hành vi phạm tội các bị cáo đã ra đầu thú, bị cáo A có thời gian tham gia nghĩa vụ quân sự nên các bị cáo đều được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Về tình tiết tăng nặng: bị cáo T không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Bị cáo A có tình tiết tăng nặng là tái phạm quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

Về nhân nhân: các bị cáo là người có nhân thân xấu. Bị cáo A có 01 tiền án năm 2022 về tội “Trộm cắp tài sản” chưa được xóa án tích, trong vụ án này bị cáo là người khởi sự, thực hiện hành vi tích cực và đóng vai trò chính, bị cáo Nguyễn Hữu T có 03 tiền án về các tội phạm liên quan đến ma túy và sở hữu nhưng các bị cáo không lấy đó làm bài học để tu dưỡng, rèn luyện bản thân trở thành người có ích cho xã hội mà tiếp tục con đường phạm tội, chứng tỏ các bị cáo là người coi thường kỉ cương pháp luật của Nhà nước và khó giáo dục. Các bị cáo nhiều lần thực hiện hành vi phạm tội gây mất trật tự tại địa phương, hoang mang trong quần chúng nhân dân. Hội đồng xét xử thấy mức hình phạt mà đại diện Viện kiểm sát đề nghị với bị cáo Nguyễn Hữu T là phù hợp, mức đề nghị với bị cáo Vi Văn A là có phần nhẹ, chưa đảm bảo sự nghiêm minh của pháp luật hình sự. Cần cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian tương xứng với tính chất hành vi phạm tội và nhân thân của các bị cáo để đảm bảo tính chất răn đe phòng ngừa chung đối với loại tội phạm này, cũng như đảm bảo hiệu quả răn đe với bản thân các bị cáo.

Về hình phạt bổ sung: Xét thấy các bị cáo không có công việc và thu nhập ổn định, bản thân bị cáo T là người mắc bệnh HIV, bị cáo A thuộc hộ cận nghèo, là người dân tộc Tày sống ở vùng kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn, tài sản các bị cáo chiếm đoạt đã được thu hồi trả lại bị hại nên Hội đồng xét xử miễn hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: anh Trần Văn H là bị hại đã được nhận tại tài sản các bị cáo trộm cắp, anh H không đề nghị các bị cáo bồi thường gì khác nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Về vật chứng:

Đối với 02 (hai) thanh kim loại hình chữ T, một cạnh bằng ống hình trụ tròn, một cạnh bằng thanh kim loại hình trụ tròn có đầu dẹt, quá trình điều tra xác định là tài sản của Vi Văn A, không liên quan đến hành vi phạm tội nhưng bị cáo không đề nghị được nhận lại, giá trị thấp nên cần tịch thu tiêu hủy theo quy định.

01 (một) con dao quắm bằng kim loại màu đen có độ dài 39,5 cm dùng chặt cành cây đậy cất giấu xe máy; 02 (hai) thanh kim loại được gắn kết thành hình dấu cộng “+” gồm một thanh điểm giữa có ống kim loại rỗng và một thanh kim loại một đầu dẹt, một đầu có 04 cạnh là công cụ phạm tội, có giá trị thấp nên cần tịch thu tiêu hủy.

Đối với vật chứng, tài sản khác đã được Cơ quan điều tra xử lý, trả lại cho chủ sở hữu Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[6] Về án phí: bị cáo Nguyễn Hữu T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định, bị cáo Vi Văn A thuộc hộ cận nghèo nên được miễn án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1-Áp dụng điểm g khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 38, Điều 58 của Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Nguyễn Hữu T 03 (ba) năm tù về tội “Trộm cắp tài sản” ”; thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam 16/01/2025.

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 17, Điều 38, Điều 58 của Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Vi Văn A 02 (hai) năm 03 (ba) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” ”; thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam 16/01/2025.

Miễn hình phạt bổ sung bằng tiền cho các bị cáo Nguyễn Hữu T, Vi Văn A.

2- Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

Tịch thu tiêu hủy 01 (một) con dao quắm bằng kim loại màu đen có độ dài 39,5 cm (cũ); 02 (hai) thanh kim loại được gắn kết thành hình dấu cộng “+” gồm một thanh điểm giữa có ống kim loại rỗng và một thanh kim loại một đầu dẹt, một đầu có 04 cạnh (cũ), 02 (hai) thanh kim loại hình chữ T, một cạnh bằng ống hình trụ tròn, một cạnh bằng thanh kim loại hình trụ tròn có đầu dẹt (cũ).

3- Áp dụng khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và Điều 6, điểm a khoản 1 Điều 23, Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội: Buộc bị cáo Nguyễn Hữu T phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm. Miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo Vi Văn A.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người phải thi hành án dân sự có quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều: 6,7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4- Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331 và Điều 333 của Bộ luật tố tụng hình sự.

Báo cho bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Báo cho bị hại vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt bản án.

Nơi nhận:

- Bị cáo, đương sự;
- VKSND huyện LN;
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- TAND tỉnh Bắc Giang;
- Phòng cảnh sát điều tra Công an tỉnh Bắc Giang;
- Chi cục THADS huyện LN;
- Phòng hồ sơ nghiệp vụ Công an tỉnh Bắc Giang;
- UBND xã NP, huyện LN;
- Lưu hồ sơ, VP.

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ
THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN
TÒA**

Thân Thị Hải Minh